UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2483/QĐ-CĐKT

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-CĐKT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 361/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; Thông tư số 17/2026/TT-BXD ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học;

Căn cứ Thông tư số 76/2026/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số

57/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 15 tháng 6 năm 2026 do Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp cho Trường Cao đẳng Kon Tum;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1433/QĐ-CĐKT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 3. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định và Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 4. Trưởng các đơn vị thuộc Trường, thành viên Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh năm 2026, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Trường;
- Đảng ủy Trường;
- Công đoàn Trường;
- Đoàn Trường;
- Hội Sinh viên Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Lê Trí Khải

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
tuyển sinh năm 2026

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và một số từ viết tắt

Quy chế tuyển sinh này quy định:

1. Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh; thủ tục và hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác; tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh; Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; xét tuyển sinh; xác định điểm trúng tuyển; triệu tập thí sinh trúng tuyển; tổ chức phúc khảo; kiểm tra kết quả xét tuyển, hồ sơ của thí sinh trúng tuyển; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm quy chế tuyển sinh; khen thưởng, xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm; quyền và trách nhiệm của Hiệu trưởng; trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh; xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế; chế độ báo cáo; chế độ lưu trữ.

2. Tổ chức tuyển sinh liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp theo hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên, bao gồm: Liên thông giữa giáo dục trung học nghề, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.

3. Xác định số lượng tuyển sinh gồm: Tiêu chí, nguyên tắc xác định số lượng tuyển sinh; xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đăng ký thông tin về chương trình đào tạo.

4. Trong Quy chế này, CC/CCCD là Căn cước hoặc Căn cước công dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng tuyển sinh các ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề đã được Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tuyển sinh trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác của Trường Cao đẳng Kon Tum.

2. Quy chế này không áp dụng với đối tượng tuyển sinh vào học chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, đi học ở nước ngoài và không áp dụng đối với tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Chương II
QUY CHẾ TUYỂN SINH

Điều 3. Ngành, nghề, thời gian, đối tượng, hình thức, điều kiện tuyển sinh

1. Ngành, nghề tuyển sinh trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và giáo dục trung học nghề

Các ngành, nghề trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 57/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 15 tháng 6 năm 2026; các ngành, nghề giáo dục trung học nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp cho Trường. Trường chỉ tổ chức tuyển sinh giáo dục trung học nghề sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với giáo dục trung học nghề và hoàn thành việc đăng ký thông tin về chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này; số lượng tuyển sinh giáo dục trung học nghề được bổ sung vào kế hoạch tuyển sinh trong các đợt điều chỉnh kế hoạch theo quy định tại Điều 26 Quy chế này; riêng năm 2026, do các mốc điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh đã qua trước ngày Quy chế này có hiệu lực, số lượng tuyển sinh giáo dục trung học nghề được bổ sung vào kế hoạch tuyển sinh năm 2027.

Danh mục chi tiết về tên ngành, nghề và mã ngành, nghề, quy mô tuyển sinh, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

2. Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác bao gồm: Các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, các chương trình đào tạo nghề khác; đào tạo lái xe mô tô các hạng; đào tạo lái xe ô tô các hạng; đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp khác theo nhu cầu của xã hội.

3. Thời gian tuyển sinh: Trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp được tuyển sinh một hoặc nhiều đợt trong năm; giáo dục trung học nghề được tuyển sinh phù hợp với thời gian tuyển sinh cấp trung học phổ thông; trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác được tuyển sinh nhiều đợt trong năm. Thời gian được tính để tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

4. Đối tượng tuyển sinh trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề

a) Đối với trình độ trung cấp:

- Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề;

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (viết tắt là THPT) hoặc tương đương trở lên hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT;

- Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (viết tắt là THCS), người đã hoàn thành chương trình giáo dục THCS được dự tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp, đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, trừ các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

b) Đối với trình độ cao đẳng

- Người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên;

- Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng không có bằng tốt nghiệp THPT được sử dụng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT phù hợp với ngành, nghề dự tuyển.

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; quân nhân, công an nhân dân tại ngũ; người nước ngoài, nếu có đủ điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển học trình độ trung cấp, cao đẳng, giáo dục trung học nghề:

- Bảo đảm điều kiện tuyển sinh tương ứng với trình độ đăng ký dự tuyển quy định tại điểm a, điểm b hoặc điểm đ khoản 4 Điều này;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nếu dùng ngân sách Nhà nước đi học) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó; trường hợp vì yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng thì được bảo lưu trong thời gian 1 năm kể từ ngày có thông báo nhập học;

- Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học trình độ trung cấp, cao đẳng, giáo dục trung học nghề phải đáp ứng điều kiện quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ kết quả học tập ở THCS, THPT hoặc tương đương trở lên của thí sinh (bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng) và kết quả kiểm tra kiến thức, tiếng Việt (để bảo đảm học tập bằng ngôn ngữ tiếng Việt) do nhà trường tổ chức để xem xét, quyết định tuyển thí sinh vào học.

d) Trường hợp bị kỷ luật buộc thôi học, nếu học sinh, sinh viên (HSSV) có nguyện vọng đăng ký dự tuyển trở lại Trường để học tập thì phải sau ít nhất 1 năm kể từ ngày thi hành quyết định kỷ luật có hiệu lực, theo quy định của Hiệu trưởng nhà trường.

đ) Đối với giáo dục trung học nghề: Người hoàn thành chương trình giáo dục THCS hoặc tương đương.

e) Đối tượng tuyển sinh các ngành, nghề đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật, thể thao (nếu có) thực hiện theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo các ngành, nghề đặc thù do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; trong khi chuẩn chương trình đào tạo các ngành, nghề đặc thù chưa được ban hành thì thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, đ khoản này và các quy định khác có liên quan.

5. Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ cao đẳng

a) Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ trung cấp, trung học nghề

- Người có chứng chỉ sơ cấp dự tuyển trung cấp theo khoản 4 Điều 3 Quy chế này và được xem xét công nhận kết quả học tập;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung học nghề thứ hai;

- Người có bằng tốt nghiệp hoặc đã tích lũy kết quả học tập ở trình độ cao đẳng, đại học có nhu cầu học liên thông trình độ trung cấp.

b) Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề dự tuyển liên thông trình độ cao đẳng;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì được sử dụng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT phù hợp với ngành, nghề dự tuyển;

- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành, nghề khác;

- Người có bằng tốt nghiệp hoặc đã tích lũy kết quả học tập ở trình độ đại học có nhu cầu học liên thông trình độ cao đẳng.

c) Kết quả học tập đã tích lũy của người học liên thông được xem xét công nhận, chuyển đổi theo Quy định đào tạo liên thông của Trường theo Quyết định số 2338/QĐ-CĐKT ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa trung học nghề, trung cấp và cao đẳng, phù hợp với Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT.

d) Đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, lĩnh vực pháp luật và các lĩnh vực đặc thù khác, việc tuyển sinh liên thông thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 và Điều 6 Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT.

6. Đối tượng tuyển sinh trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác

a) Đối với trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác

- Người từ đủ 11 tuổi trở lên, có trình độ học vấn phù hợp, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu của chương trình và nội dung đào tạo.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu dùng ngân sách nhà nước đi học) dự tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó; trường hợp vì yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng thì được bảo lưu đợt tuyển tiếp sau;

- Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng dự tuyển phải đáp ứng điều kiện quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ kết quả học tập văn hóa tương ứng, kiến thức tiếng Việt (để bảo đảm có thể học tập bằng ngôn ngữ tiếng Việt) để xem xét, quyết định tuyển thí sinh vào học.

b) Đối với tuyển sinh đào tạo lái xe mô tô và ô tô, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Đủ tuổi, sức khỏe theo quy định.

- Người học có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe còn hiệu lực, phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe, cụ thể: Hạng B lên C1, B lên C, C1 lên C thời gian lái xe an toàn từ 2 (hai) năm trở lên.

- Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

7. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

8. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

9. Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/hồ sơ, là mức thu của Trường, được công bố công khai trong thông báo tuyển sinh theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Quy chế này; đối với các lớp thuộc dự án, hợp đồng liên kết đào tạo theo hình thức trọn gói lệ phí tuyển sinh được phân khai trong kinh phí lớp học.

Điều 4. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

Chính sách ưu tiên tuyển sinh thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

Điều 5. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (viết tắt là HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh và có trách nhiệm giải trình về hoạt động tuyển sinh của Trường.

2. Thành phần của HĐTS

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách tuyển sinh;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng hoặc Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng (trường hợp Trưởng phòng giữ chức Phó Chủ tịch

thì Phó Trưởng phòng là Ủy viên thường trực);

d) Các ủy viên: Trưởng hoặc Phó các phòng, khoa, bộ môn, nhà giáo và viên chức công nghệ thông tin do Hiệu trưởng quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS:

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định;

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện phần mềm tuyển sinh của Trường, của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh, gồm: Ban Thư ký, Ban Phúc khảo; các ban khác (nếu có) do Chủ tịch HĐTS quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Cơ cấu, số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban giúp việc của HĐTS do Chủ tịch HĐTS quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Các ban chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch HĐTS.

c) Thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

6. Đối với tuyển sinh trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác:

a) Tùy theo yêu cầu thực tế, Hiệu trưởng quyết định thành lập ban tuyển sinh hoặc sử dụng HĐTS của Trường để thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh;

b) Thành phần ban tuyển sinh gồm: Trưởng ban là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động tuyển sinh; Phó Trưởng ban là Phó Hiệu trưởng hoặc người phụ trách bộ phận tuyển sinh của Trường; các ủy viên là viên chức, nhà giáo do Hiệu trưởng quyết định;

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của ban tuyển sinh: Tổ chức triển khai kế hoạch

tuyển sinh đã được duyệt; giải quyết các vướng mắc, khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh; thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định; tổng kết, báo cáo kết quả tuyển sinh theo quy định.

Điều 6. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: Một số viên chức phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, bộ phận Tuyển sinh và Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển, các đơn vị liên quan và viên chức phụ trách công nghệ thông tin, truyền thông.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:

a) Công bố thông tin liên quan đến hồ sơ, thời gian, địa điểm và thủ tục đăng ký dự tuyển trên trang thông tin điện tử và các phương tiện truyền thông khác; tổ chức tiếp nhận hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển;

b) Nhập và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phần mềm tuyển sinh của Trường;

c) Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh;

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

e) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển; giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển nhập học;

g) Quản lý hồ sơ, biên bản liên quan đến kết quả xét tuyển; kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định;

h) Đề xuất với Chủ tịch HĐTS thay đổi nội dung của Quy chế tuyển sinh khi cần thiết cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm tuyển sinh;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng có quyền quyết định số lần tuyển sinh trong năm và phương thức xét tuyển của Trường.

2. Ban hành Quy chế tuyển sinh và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Các hình thức xử lý vi phạm do Hiệu trưởng quyết định xử lý theo quy

định tại quy chế tuyển sinh của Trường và quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ cao đẳng, trung cấp, giáo dục trung học nghề, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này;

b) Bản sao các loại giấy tờ cần thiết khác (nếu có) tùy theo yêu cầu và tiêu chí xét tuyển của Trường gồm:

- 01 bản sao học bạ THPT đối với trình độ cao đẳng hoặc bản sao học bạ THCS/THPT đối với trình độ trung cấp hoặc bản sao học bạ THCS đối với giáo dục trung học nghề;

- 01 bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung học nghề hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp (kèm bảng điểm toàn khóa học) đối với trình độ cao đẳng hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS/THPT/trung học nghề đối với trình độ trung cấp hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy xác nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS đối với giáo dục trung học nghề; thí sinh thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 3 Quy chế này được nộp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT (thí sinh tốt nghiệp trong năm xét tuyển có thể nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT/THCS tạm thời);

- 01 bản sao Giấy khai sinh;

- 01 bản sao photo CC/CCCD;

- 2 hình 3 cm x 4 cm (chụp không quá 6 tháng).

c) Đối với tuyển sinh liên thông ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản này cần bổ sung Bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc Bằng tốt nghiệp cao đẳng và Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT hoặc Bằng tốt nghiệp THPT (tùy theo trình độ tuyển sinh liên thông).

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ sơ cấp gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quy chế này;

b) Bản sao các loại giấy tờ cần thiết khác (nếu có) tùy theo yêu cầu từng ngành, nghề theo quy định.

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển đào tạo lái xe, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ gồm:

a) Người học lái xe lần đầu lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài);

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn thời hạn do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

- Ảnh thẻ màu kích thước 3 x 4 cm (chụp không quá 6 tháng).

b) Người học lái xe nâng hạng lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ quy định tại điểm a khoản này;

- Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Quy chế này.

c) Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

- Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo;

- 3 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 6 tháng, kiểu căn cước.

- Giấy khám sức khỏe của người điều khiển xe máy chuyên dùng còn thời hạn do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

d) Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1 lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường. Hồ sơ bao gồm: Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn thời hạn do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển các chương trình đào tạo nghề khác, gồm:

a) Phiếu đăng ký học nghề theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy chế này;

b) Bản sao các loại giấy tờ cần thiết khác (nếu có) tùy theo yêu cầu từng

nghề gồm: CC/CCCD, các giấy chứng nhận ưu tiên khác (nếu có),…

5. Các hình thức đăng ký dự tuyển

a) Đăng ký trực tiếp trên Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề, trình độ sơ cấp, các chương trình đào tạo nghề khác và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại trường THCS, THPT, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hoặc nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Đăng ký trực tuyến (online) trên trang thông tin tuyển sinh của Trường tại: http://cdkt-tuyensinh.unisoft.edu.vn/.

c) Đăng ký trực tuyến trên hệ thống Phần mềm tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm.

d) Xuất trình bản gốc hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề cho viên chức trực tiếp tư vấn tuyển sinh để đối chiếu, tạo lập hồ sơ tuyển sinh điện tử, hồ sơ chính sách điện tử, bản gốc được trả lại cho thí sinh sau khi đối chiếu, thành phần gồm:

- Đơn đăng ký xét tuyển sinh;

- Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THCS/THPT; bằng tốt nghiệp trung học nghề, trung cấp (nếu có);

- Học bạ THCS/THPT;

- Thẻ CC/CCCD;

- Giấy khai sinh;

- Chứng nhận hộ nghèo (nếu có);

- Các hồ sơ chế độ chính sách khác (nếu có).

6. Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (ĐKDT) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này hoặc đăng ký trực tuyến theo quy định tại điểm b và c khoản 5 Điều này hoặc cung cấp minh chứng hồ sơ bản gốc cho viên chức trực tiếp tư vấn tuyển sinh theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này;

b) Bản sao các loại giấy tờ cần thiết khác tùy theo yêu cầu: Nộp trực tiếp tại địa chỉ tiếp nhận hồ sơ của Trường (kèm theo bản chính để đối chiếu), gửi qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử qua cổng thông tin tiếp nhận của Trường. Trường có thể yêu cầu thí sinh nộp bản sao và sử dụng bản chính hoặc hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia VNeID để kiểm tra, đối chiếu với bản sao trong hồ sơ dự tuyển.

7. Thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT và lệ phí tuyển sinh: Thí sinh có thể nộp hồ sơ ĐKDT bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện, lệ phí tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc chuyển khoản theo quy định. Trường thông báo hình thức tiếp nhận hồ sơ ĐKDT và lệ phí tuyển sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham gia dự tuyển.

Điều 9. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác, nộp đủ hồ sơ và lệ phí xét tuyển trong thời gian quy định của nhà trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại Trường khi có yêu cầu.

2. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu ĐKDT. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và quy chế đào tạo của Trường nếu thí sinh không bảo đảm các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong phiếu ĐKDT với hồ sơ gốc.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế tuyển sinh để HĐTS xử lý kịp thời.

Điều 10. Xét tuyển

1. Đối với trình độ cao đẳng

a) Xét tuyển theo phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT.

b) Xét tuyển theo phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả điểm trung bình môn học của năm lớp 12 đối với tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT để xét tổ hợp 3 môn học (theo từng tổ hợp quy định trong thông báo tuyển sinh).

c) Xét tuyển theo phương thức 3: Đối với người có bằng tốt nghiệp trung học nghề, người có bằng tốt nghiệp trung cấp (kể cả trường hợp sử dụng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT), xét tuyển theo điểm trung bình chung toàn khóa học (thang điểm 10) cộng mức ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (nếu có).

d) Điểm xét tuyển đối với phương thức 1, phương thức 2 được tính theo công thức sau:

$Đ_{XT} = M_1 + M_2 + M_3 + KVUT + ĐTUT$

Trong đó:

- $Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển;

- M_1, M_2, M_3: Là điểm thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển hoặc là các

điểm trung bình môn học của năm lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển đối với từng ngành, nghề.

- KVƯT: Là mức ưu tiên khu vực;

- ĐTƯT: Là mức ưu tiên đối tượng.

2. Đối với trình độ trung cấp và giáo dục trung học nghề

a) Xét tuyển theo kết quả điểm trung bình môn học của năm lớp 9 hoặc 12 tổ hợp 2 môn học (theo từng tổ hợp quy định trong thông báo tuyển sinh); đối với giáo dục trung học nghề xét theo kết quả điểm trung bình môn học của năm lớp 9; đối với người có bằng tốt nghiệp trung học nghề dự tuyển trình độ trung cấp xét theo điểm trung bình chung toàn khóa học (thang điểm 10) cộng mức ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (nếu có);

b) Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

$Đ_{XT} = M_1 + M_2 + KVƯT + ĐTƯT$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển.

- M_1 , M_2 : Điểm trung bình 2 môn học của năm lớp 9 hoặc lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển đối với từng ngành, nghề.

- KVƯT: Là mức ưu tiên khu vực;

- ĐTƯT: Là mức ưu tiên đối tượng.

3. Đối với trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác: Xét tuyển bảo đảm các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy chế này.

4. Nguyên tắc, điều kiện xét tuyển.

a) Đáp ứng điều kiện về đối tượng tuyển sinh của từng trình độ đào tạo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quy chế này đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề (kể cả tuyển sinh liên thông); khoản 6 Điều 3 Quy chế này đối với trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác.

b) Đủ điểm xét tuyển theo quy định của từng đợt xét tuyển.

c) Trường sẽ xác định thí sinh trúng tuyển theo điểm xét tuyển ($Đ_{XT}$) từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu của mỗi ngành, nghề.

Điều 11. Xác định thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh được xác định theo quy định, sau khi trừ số thí sinh cử tuyển, đặt hàng (nếu có); căn cứ thống kê kết quả tuyển sinh; căn cứ quy định khung điểm ưu tiên (nếu có), Ban Thư ký HĐTS dự kiến một số phương

án tuyển chọn để trình Chủ tịch HĐTS xem xét, quyết định. Trường có thể xây dựng tiêu chuẩn trúng tuyển chung hoặc riêng theo từng ngành, nghề đào tạo do Chủ tịch HĐTS quy định.

2. Khi số thí sinh trúng tuyển nhập học không đủ, nhà trường có thể hạ tiêu chuẩn tuyển chọn hoặc tuyển bổ sung bằng các lần tuyển sinh tiếp theo cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc hạ tiêu chuẩn tuyển chọn và tuyển sinh các đợt tiếp theo do Chủ tịch HĐTS quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS và được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Nếu số thí sinh nhập học đủ so với chỉ tiêu đã xác định ở ngay đợt tuyển sinh tiếp theo, Trường không được nhận thêm hồ sơ đăng ký dự tuyển dù vẫn còn các đợt tuyển sinh như đã thông báo trước đó và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tiêu chuẩn tuyển chọn ở tất cả các đợt tuyển sinh của Trường không nhất thiết phải bằng nhau và do Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS.

4. Đối với nhóm ngành, nghề không tuyển đủ chỉ tiêu, sau khi đã xác định tiêu chuẩn tuyển chọn ở mức cho phép theo yêu cầu đào tạo của Trường mà vẫn còn thiếu số lượng, nhà trường được phép lấy thí sinh dự tuyển vào Trường mình nhưng không trúng tuyển vào những ngành, nghề khác, đồng thời đạt yêu cầu và tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định của nhóm ngành, nghề còn thiếu số lượng và tự nguyện vào học nhóm ngành, nghề đó. Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn tuyển chọn lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn tuyển chọn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

5. Căn cứ các phương án xác định tiêu chuẩn tuyển chọn của Ban Thư ký HĐTS đề xuất, trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS, Chủ tịch HĐTS quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển. Tiêu chuẩn trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 12. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

1. Thí sinh đăng ký dự tuyển phải bảo đảm các điều kiện về văn bằng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 của Quy chế này đối với từng trình độ đào tạo; đối với trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác thực hiện theo khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

2. Đáp ứng các tiêu chí về điểm xét tuyển theo phương án xét tuyển quy định tại Điều 10 của Quy chế này (khoản 1, khoản 2 Điều 10 đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề; khoản 3 Điều 10 đối với trình

độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác).

3. Nhà trường chỉ tổ chức tuyển sinh sau khi đã đăng ký thông tin về chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 26 Quy chế này.

Điều 13. Kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh

1. Kế hoạch tuyển sinh: Được thực hiện một hoặc nhiều lần trong năm tùy theo nhu cầu của người học và năng lực đào tạo của nhà trường.

2. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường tự xác định số lượng tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh và cập nhật lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này.

3. Thông báo tuyển sinh: Nhà trường ban hành và công bố công khai thông báo tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường (https://cdkontum.edu.vn hoặc https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn), các kênh mạng xã hội chính thức của Trường theo Điều 5 Quy chế quản lý, vận hành các kênh mạng xã hội của Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 2309/QĐ-CĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon và các phương tiện thông tin đại chúng. Nhà trường chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan phát hành Phiếu đăng ký dự tuyển đến các trường THCS, THPT, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và trên các trang thông tin tuyển sinh trực tuyến.

4. Nội dung thông báo: Trước khi tổ chức tuyển sinh, nhà trường thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện truyền thông phù hợp khác và chịu trách nhiệm giải trình với người học và cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung sau:

a) Giới thiệu về Trường, các chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian khóa học, văn bằng/chứng chỉ được cấp, địa điểm học tập, kết quả kiểm định chất lượng cơ sở (nếu có);

b) Mức thu học phí đối với từng ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo; các khoản thu dịch vụ khác cho từng kỳ học, năm học và cả khóa học; chính sách học bổng, miễn giảm, hỗ trợ học phí; điều kiện học tập, ký túc xá và các chính sách hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch, phạm vi và các đợt tuyển sinh trong năm; thời gian, địa điểm nhận hồ sơ; số lượng, đối tượng, điều kiện, chuẩn đầu vào và hình thức tuyển sinh đối với từng nhóm ngành, nghề và trình độ đào tạo; chính sách ưu tiên, hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Chủ tịch HĐTS trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban Thư ký HĐTS trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Trong giấy triệu tập ghi rõ kết quả dự tuyển của thí sinh và những điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học. Giấy báo trúng tuyển và thông báo nhập học bản cứng hoặc bản điện tử có giá trị như nhau và có thể tích hợp các phương thức định danh điện tử để thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến.

2. Thí sinh trúng tuyển học trình độ cao đẳng, trung cấp, giáo dục trung học nghề khi nhập học được kiểm tra sức khỏe của cơ sở y tế đủ điều kiện chứng nhận sức khỏe theo quy định của ngành Y tế. Giấy chứng nhận sức khỏe được bổ sung vào hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên. Riêng thí sinh học lái xe phải có giấy khám sức khỏe theo quy định riêng.

3. Thí sinh trúng tuyển học trình độ cao đẳng, trung cấp, giáo dục trung học nghề nếu không tra cứu được thông tin cá nhân trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thì khi đến Trường nhập học nộp 01 bộ hồ sơ gồm những giấy tờ sau đây:

a) Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc kết quả khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đối với giáo dục trung học nghề (tùy theo đối tượng dự tuyển);

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS, THPT tạm thời đối với người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp. Khi có bằng tốt nghiệp phải nộp bản sao bằng tốt nghiệp;

c) Bản sao các giấy tờ xác nhận là đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên (nếu có) như: Giấy chứng nhận con liệt sĩ; thẻ thương binh, chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của bố, mẹ; giấy chứng nhận hộ nghèo; giấy chứng nhận người khuyết tật; sổ nhận trợ cấp tai nạn lao động đối với cha hoặc mẹ…

d) Giấy triệu tập trúng tuyển.

đ) Các giấy tờ bản sao khi nộp phải kèm theo bản chính để đối chiếu, sau khi đối chiếu bản chính trả lại cho thí sinh.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày so với ngày yêu cầu có mặt ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển thì Trường có quyền từ chối không tiếp nhận. Nếu đến chậm trong những trường hợp bất khả kháng như do ốm đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của cơ quan y tế hoặc của chính quyền địa phương thì được Trường xem xét quyết định tiếp nhận vào đợt tuyển sinh tiếp theo hoặc

bảo lưu kết quả tuyển sinh trong thời gian 01 năm kể từ ngày có thông báo nhập học.

5. Những thí sinh trúng tuyển, nếu địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

6. Đối với thí sinh trúng tuyển trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác:

a) Chủ tịch HĐTS hoặc Trưởng ban tuyển sinh xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển và ký giấy thông báo nhập học. Giấy thông báo nhập học ghi rõ những yêu cầu, giấy tờ cần thiết khi nhập học;

b) Thí sinh nếu không tra cứu được thông tin cá nhân trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thì nộp hồ sơ nhập học gồm: Bản sao các loại giấy tờ theo yêu cầu trong thông báo nhập học; bản sao các giấy tờ để hưởng chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định. Các giấy tờ bản sao khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu, sau khi đối chiếu bản chính trả lại cho thí sinh;

c) Thí sinh nhập học chậm sau 15 ngày so với thời gian ghi trong thông báo nhập học thì Trường có quyền từ chối tiếp nhận. Nếu chậm trong trường hợp bất khả kháng như: Ốm đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của cơ quan y tế hoặc của chính quyền địa phương thì Trường xem xét tiếp nhận vào học trong đợt tuyển sinh tiếp theo.

Điều 15. Tổ chức phúc khảo

1. Thời hạn phúc khảo

a) HĐTS Trường nhận đơn đăng ký phúc khảo về kết quả xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tuyển và trúng tuyển. HĐTS Trường phải trả lời thí sinh chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn;

b) Thí sinh có đơn khiếu nại về kết quả xét tuyển, nộp phí phúc khảo là 30.000 đồng/lượt theo mức thu của Trường và được công bố công khai. Nếu sau khi phúc khảo phát hiện sai sót trong quá trình xét tuyển thì HĐTS hoàn trả khoản phí này cho thí sinh.

2. Tổ chức phúc khảo

a) Việc tổ chức phúc khảo tiến hành dưới sự điều hành trực tiếp của Chủ tịch HĐTS. Các thành viên đã tham gia quá trình xử lý kết quả ở lần trước không thuộc thành phần tham gia phúc khảo; thời gian, vị trí làm việc do Chủ tịch HĐTS quy định;

b) Trước khi tiến hành phúc khảo, Ban Thư ký (gồm ít nhất 2 người) tiến hành các việc sau đây:

- Kiểm tra sơ bộ tình trạng hồ sơ ĐKDT của thí sinh, nếu phát hiện có hiện tượng bất thường trong hồ sơ ĐKDT của thí sinh thì lập biên bản và báo cáo Chủ tịch HĐTS trường xem xét, quyết định;

- Lập biên bản bàn giao cho Chủ tịch HĐTS các hồ sơ ĐKDT của thí sinh đăng ký phúc khảo.

c) Khi tiến hành phúc khảo, nhóm phúc khảo (gồm ít nhất 2 người) tiến hành các việc sau đây:

- Kiểm tra tình trạng hồ sơ ĐKDT của thí sinh;

- Đối chiếu kết quả xét tuyển do trường thông báo tới thí sinh đăng ký phúc khảo với hồ sơ ĐKDT của thí sinh;

- Báo cáo Chủ tịch HĐTS trường sau khi tiến hành đối chiếu kết quả xét tuyển của các thí sinh đăng ký phúc khảo.

d) Xử lý kết quả phúc khảo

- Nếu kết quả xét tuyển sau khi đã phúc khảo giống với dữ liệu trong hồ sơ ĐKDT của thí sinh thì giao kết quả cho Trưởng ban phúc khảo ký xác nhận kết quả chính thức;

- Nếu kết quả xét tuyển sau khi đã phúc khảo có sự chênh lệch với dữ liệu trong hồ sơ ĐKDT của thí sinh thì rút hồ sơ ĐKDT giao cho Trưởng ban phúc khảo xem xét và điều chỉnh đúng với hồ sơ ĐKDT của thí sinh, lập biên bản và lưu hồ sơ tuyển sinh;

- Trong trường hợp phúc khảo kết quả xét tuyển mà thí sinh chuyển từ diện không trúng tuyển thành trúng tuyển (và ngược lại), Chủ tịch HĐTS tiến hành xác định nguyên nhân sai sót, nếu thấy có biểu hiện và bằng chứng vi phạm thì xử lý theo quy định của Quy chế này.

đ) Kết luận phúc khảo

- Kết quả phúc khảo đã được Trưởng ban phúc khảo ký xác nhận là kết quả chính thức;

- Kết quả được điều chỉnh do Chủ tịch HĐTS quyết định và thông báo đối với thí sinh đăng ký phúc khảo.

Điều 16. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ tuyển sinh, nhà trường tổ chức kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả số thí sinh đã trúng tuyển vào trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối

chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Chủ tịch HĐTS có biện pháp xác minh, xử lý kịp thời theo quy định của Quy chế này.

2. Khi thí sinh đến nhập học mà không tra cứu được thông tin cá nhân trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, nhà trường thu nhận bản sao các giấy tờ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 14 của Quy chế này (sau khi đã đối chiếu kiểm tra với bản chính).

3. Hiệu trưởng giao cho phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng tiến hành lập các kế hoạch để kiểm tra hoạt động tuyển sinh hàng năm của nhà trường để báo cáo Hiệu trưởng xem xét theo đúng quy định.

Điều 17. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

1. Xử lý các dữ liệu đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên trang thông tin tuyển sinh của Trường hoặc trên hệ thống Phần mềm tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm hoặc đăng ký trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của Trường tại: http://cdkt-tuyensinh.unisoft.edu.vn/.

2. Nhập dữ liệu từ hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, nhập dữ liệu về kết quả sơ tuyển (nếu có).

3. Tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính.

4. Gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh.

5. Cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và phương tiện thông tin đại chúng.

6. Việc thu thập, xử lý, lưu trữ dữ liệu cá nhân của thí sinh phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của Trường về bảo đảm an ninh mạng, sử dụng trí tuệ nhân tạo; không đưa hồ sơ tuyển sinh còn ở dạng có thể nhận dạng cá nhân lên các hệ thống trí tuệ nhân tạo công cộng theo Quyết định số 2307/QĐ-CĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành danh mục tài liệu được phép và không được phép đưa lên các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) công cộng.

Điều 18. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh: Hội đồng tuyển sinh của Trường.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 19. Khen thưởng

1. Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Chủ tịch HĐTS khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.

2. Kinh phí khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Điều 20. Xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm

Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm Quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị nhà trường áp dụng quy định tại Luật Viên chức; các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 21. Xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế

Thí sinh dự tuyển có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh như: Khai man hồ sơ, dùng giấy tờ giả,... được HĐTS lập biên bản và tuỳ mức độ nặng nhẹ bị xử lý kỷ luật theo các quy định tại Quy chế này, đồng thời tùy theo mức độ vi phạm,

có thể bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tùy theo mức độ vi phạm, Hiệu trưởng quyết định xử lý kỷ luật bằng các hình thức sau: Khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, tước quyền vào học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh này và không trái với các quy định hiện hành.

Điều 22. Chế độ báo cáo

Nhà trường thực hiện báo cáo kết quả tuyển sinh các trình độ, ngành, nghề đào tạo theo từng tháng vào các ngày cuối mỗi tháng lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp tại địa chỉ: https://gdnn.moet.gov.vn/; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo về hoạt động tuyển sinh theo quy định về chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 23. Lưu trữ

Tất cả các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh; kết quả, hồ sơ tuyển sinh của Trường phải được bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương III
XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH

Điều 24. Tiêu chí xác định số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh trong năm được xác định trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường, đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Có phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, thực nghiệm; phòng/xưởng thực hành, thực tập (bao gồm nhà xưởng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phục vụ đào tạo thông qua hợp đồng thuê, mượn có thời hạn tối thiểu bằng thời gian của khóa học) ở cả trụ sở chính, phân hiệu và địa điểm khác (nếu có) đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập quy định trong chương trình đào tạo của ngành, nghề đào tạo. Diện tích giảng đường, phòng học lý thuyết; phòng/xưởng thực hành, thực tập bảo đảm đáp ứng quy định về chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp và điều kiện về đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo đáp ứng yêu cầu, quy định trong chương trình đào tạo của ngành, nghề (bao gồm cả trang thiết bị thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, các đơn vị liên kết phục vụ đào tạo thông qua hợp đồng liên kết đào tạo, hợp đồng thuê, mượn có thời hạn tối thiểu bằng thời gian của khóa học), đáp ứng quy định về chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy định về điều kiện đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

3. Có đội ngũ giảng viên, giáo viên và người dạy nghề đủ về số lượng, đáp ứng tiêu chuẩn nhà giáo theo từng trình độ đào tạo; phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo theo nhóm ngành, nghề bảo đảm đáp ứng điều kiện để tổ chức giảng dạy theo yêu cầu của chương trình đào tạo, quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và quy định về điều kiện đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Điều 25. Nguyên tắc xác định số lượng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng tự chủ xác định số lượng tuyển sinh của từng năm theo nhóm ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo trên cơ sở năng lực và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của Trường theo các tiêu chí quy định tại Điều 24 của Quy chế này; đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng.

2. Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, giáo dục trung học nghề là tổng số lượng tuyển sinh các loại hình đào tạo ở cả Trụ sở chính và các cơ sở thuộc Trường; số lượng thực tuyển hằng năm theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo không vượt quá 120% số lượng kế hoạch được xác định từ đầu năm. Số lượng tuyển sinh trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác không tính vào số lượng kế hoạch tuyển sinh tự xác định nhưng phải phù hợp với năng lực đào tạo và bảo đảm đáp ứng được chất lượng đào tạo.

3. Nhà trường được điều chỉnh số lượng tuyển sinh trong năm giữa các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề đào tạo theo Danh mục ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu của thị trường lao động tại địa phương, khu vực và năng lực đào tạo của nhà trường.

4. Nhà trường chịu trách nhiệm và bảo đảm tính trung thực, chính xác của số liệu về giảng viên, giáo viên; cơ sở vật chất, thiết bị trong xác định số lượng tuyển sinh hằng năm; cung cấp đầy đủ thông tin khi có yêu cầu của cơ quan quản lý để xác minh số lượng tuyển sinh tự xác định; chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan quản lý và xã hội về các thông tin tuyển sinh được công bố khi có yêu cầu.

Điều 26. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đăng ký thông tin về chương trình đào tạo

1. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh theo từng năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Quy chế này), gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời cập nhật thông tin về kế hoạch tuyển sinh lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp trước ngày 15 tháng 01 hằng năm. Kế hoạch tuyển sinh xác định trong năm được điều chỉnh tối đa 2 (hai) lần vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 10 hằng năm (nếu có).

2. Trước khi tổ chức tuyển sinh, đào tạo, nhà trường thực hiện đăng ký thông tin về chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng là đơn vị đầu mối tổng hợp, cập nhật kế hoạch tuyển sinh, thông tin về chương trình đào tạo và kết quả tuyển sinh lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp. Các khoa, phòng chức năng thuộc Trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, số liệu về nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, chương trình đào tạo và kết quả tuyển sinh thuộc phạm vi quản lý cho phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng để tổng hợp.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.

2. Phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng đối chiếu, cập nhật tên, mã ngành, nghề theo Thông tư số 77/2026/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố trước khi tuyển sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ảnh về phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, GIÁO DỤC TRUNG HỌC NGHỀ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Nhóm ngành, nghề: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài**			
1	Tiếng Anh	6220206	25	Cao đẳng
2	Tiếng Anh du lịch	5220217	50	Trung cấp
II	**Nhóm ngành, nghề: Kế toán - Kiểm toán**			
1	Kế toán	6340301	50	Cao đẳng
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	Trung cấp
III	**Nhóm ngành, nghề: Luật**			
1	Pháp luật	5380101	60	Trung cấp
IV	**Nhóm ngành, nghề: Máy tính**			
1	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	30	Cao đẳng
		5480102	25	Trung cấp
V	**Nhóm ngành, nghề: Công nghệ thông tin**			
1	Công nghệ thông tin	6480201	25	Cao đẳng
		5480201	25	Trung cấp
VI	**Nhóm ngành, nghề: Công tác xã hội**			
1	Công tác xã hội	6760101	70	Cao đẳng
VII	**Nhóm ngành, nghề: Du lịch**			
1	Hướng dẫn du lịch	5810103	30	Trung cấp
VIII	**Nhóm ngành, nghề: Khách sạn, nhà hàng**			

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	25	Trung cấp
IX	**Nhóm ngành, nghề: Quản trị - Quản lý**			
1	Quản trị văn phòng	6340403	40	Cao đẳng
X	**Nhóm ngành, nghề: Nông nghiệp**			
1	Trồng trọt	5620110	40	Trung cấp
2	Chăn nuôi	6620119	40	Cao đẳng
3	Chăn nuôi - Thú y	5620120	40	Trung cấp
4	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	35	Cao đẳng
		5620131	35	Trung cấp
XI	**Nhóm ngành, nghề: Lâm sinh**			
1	Lâm sinh	6620202	40	Cao đẳng
		5620202	40	Trung cấp
XII	**Nhóm ngành, nghề: Dược học**			
1	Dược	6720201	70	Cao đẳng
XIII	**Nhóm ngành, nghề: Điều dưỡng - Hộ sinh**			
1	Điều dưỡng	6720301	90	Cao đẳng
XIV	**Nhóm ngành, nghề: Y học**			
1	Y sỹ đa khoa	6720101	60	Cao đẳng
XV	**Nhóm ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí**			
1	Công nghệ ô tô	6510216	40	Cao đẳng
		5510216	120	Trung cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
XVI	**Nhóm ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**			
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	30	Cao đẳng
		5510303	30	Trung cấp
XVII	**Nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**			
1	Hàn	6520123	30	Cao đẳng
		5520123	50	Trung cấp
XVIII	**Nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**			
1	Điện công nghiệp	5520227	70	Trung cấp
2	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	5520251	60	Trung cấp
XIX	**Nhóm ngành, nghề: Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**			
1	May thời trang	5540205	75	Trung cấp

Danh mục này gồm có 32 ngành, nghề: 15 ngành, nghề trình độ cao đẳng, 17 ngành, nghề trình độ trung cấp. Tên và mã ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thực hiện theo Giấy chứng nhận số 57/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 15 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2026 và thực hiện theo Danh mục ngành, nghề đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 77/2026/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Phụ lục II
CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh";

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên";

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao

động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con của người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm

quyền cấp theo quy định;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong thời gian học phổ thông có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Học sinh các trường, lớp dự bị;

- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học phổ thông) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên (theo đơn vị hành chính trước khi sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; việc xác định địa bàn tương ứng sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền);

- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu

thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực ưu tiên tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới;

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các phường thuộc tỉnh, các xã của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các phường của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

3. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm). Mức điểm ưu tiên cụ thể: Nhóm ưu tiên 1 (UT1) là 2,0 điểm, nhóm ưu tiên 2 (UT2) là 1,0 điểm; khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) là 0 điểm; mức điểm ưu tiên được cộng trực tiếp vào tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển hoặc vào điểm trung bình chung toàn khóa học theo công thức tại Điều 10 Quy chế này, không quy đổi theo số môn của tổ hợp.

4. Việc xác định nơi thường trú và đơn vị hành chính cấp xã nêu tại Phụ lục này thực hiện theo pháp luật về cư trú và đơn vị hành chính hiện hành tại thời điểm xét tuyển.

Phụ lục III

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Năm 2026

I. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên*:.....

2. Ngày tháng năm sinh*: .....

3. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

4. Trình độ văn hóa*: THCS ☐ THPT ☐

5. Email: .....

6. Điện thoại liên hệ*: .....

7. Địa chỉ liên hệ*: .....

8. Đối tượng ưu tiên (nếu có): .....

II. Thông tin đăng ký

9. Tên trường*: Trường Cao đẳng Kon Tum Mã số: C36

10. Tên ngành, nghề học*:

- Ngành, nghề 1: .....Mã ngành, nghề: .....

Trình độ đào tạo:……. …Trung học nghề ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

Sơ cấp ☐ Chương trình đào tạo nghề khác ☐

- Ngành, nghề 2: .....Mã ngành, nghề: .....

Trình độ đào tạo:……. …Trung học nghề ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

Sơ cấp ☐ Chương trình đào tạo nghề khác ☐

- Ngành, nghề 3: .....Mã ngành, nghề: .....

Trình độ đào tạo:……. …Trung học nghề ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

Sơ cấp ☐ Chương trình đào tạo nghề khác ☐

PHỤ HUYNH

(Đối với đối tượng tốt nghiệp THCS)

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ... năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HỒ SƠ TUYỂN SINH GỒM:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu tại Phụ lục này.

2. Hai (02) ảnh cỡ 3x4 có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau (một ảnh dán trên phiếu đăng ký tuyển sinh, một ảnh nộp cho Trường);

3. Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc trung học nghề, trung cấp (kèm bảng điểm toàn khóa học). Đối với những trường hợp tốt nghiệp THCS, THPT chưa được cấp bằng thì phải có bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

4. Bản sao học bạ THCS (đối với học sinh tốt nghiệp THCS) hoặc THPT (đối với học sinh tốt nghiệp THPT);

5. Bản sao CC/CCCD;

6. Bản sao giấy khai sinh;

7. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Các bản sao nộp kèm bản chính để đối chiếu hoặc được kiểm tra, đối chiếu qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia VNeID.

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU VÀ NỘP HỒ SƠ:

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. Mục 1, 2: Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Căn cước, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);

2. Mục 4: Nếu đã tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).

3. Mục 6: Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;

4. Mục 7: Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã/phường, tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

5. Mục 9: Thí sinh ghi chính xác tên trường muốn học kèm theo Mã trường. Mỗi Phiếu đăng ký dự tuyển chỉ đăng ký ở một trường cụ thể.

6. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 4 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Tham khảo sách "Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp" được phát hành hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

(2) Truy cập website: https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn tìm hiểu các ngành, nghề đào tạo của Trường để đăng ký;

(3) Truy cập hệ thống Phần mềm tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tìm hiểu về ngành, nghề đào tạo của Trường Cao đẳng Kon Tum (mã trường: C36), tìm hiểu các nghề đào tạo của Trường để đăng ký;

(4) Đăng ký trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của Trường tại: http://cdkt-tuyensinh.unisoft.edu.vn/, lựa chọn ngành, nghề đào tạo phù hợp với nguyện vọng đăng ký học, đăng ký trực tuyến và hoàn tất hồ sơ theo hướng dẫn;

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (2), (3) và (4), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Đối tượng tuyển sinh trình độ trung cấp: Người có bằng tốt nghiệp trung học nghề; người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT; người có bằng tốt nghiệp THCS, người đã hoàn thành chương trình giáo dục THCS;

- Đối tượng tuyển sinh giáo dục trung học nghề: Người hoàn thành chương trình giáo dục THCS hoặc tương đương;

- Đối tượng tuyển sinh trình độ cao đẳng:

+ Người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên; người có bằng tốt nghiệp trung học nghề;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng không có bằng tốt nghiệp THPT được sử dụng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT phù hợp với ngành, nghề dự tuyển.

- Đối tượng tuyển sinh trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác: Người từ đủ 11 tuổi trở lên, có trình độ học vấn phù hợp, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu của chương trình và nội dung đào tạo.

- Địa chỉ nộp hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, Trường Cao đẳng Kon Tum (hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện), theo địa chỉ: Số 14 Nguỵ Như Kon Tum, Tổ dân phố 10, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng

Ngãi - Hotline: 0846.864929.

- Thí sinh có thể xem kết quả tuyển sinh trên website của Trường tại địa chỉ:

Website: *https://cdkontum.edu.vn;* hoặc *https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn*

Fanpage Trường Cao đẳng Kon Tum (nền tảng Facebook): https://www.facebook.com/ktcc.edu.vn

Email: *tuyensinh@cdkontum.edu.vn*

Phụ lục IV

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 3x4

PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH

1. Số phiếu:

(Thí sinh không ghi mục này. Trường sẽ đánh số phiếu khi thu phiếu)

2. Trình độ: Sơ cấp

3. Tên trường đăng ký: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Ngành/nghề: .....

4. Họ và tên đầy đủ của thí sinh: .....

(Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa)

Giới tính: Nam: ☐ , Nữ: ☐

5. Ngày, tháng, năm sinh: .....

6. Dân tộc: .....

7. Nơi cư trú: *{số nhà, đường, thôn, bản, xã/phường, tỉnh}*

.....

8. CC/CCCD số:

9. Gửi giấy báo kết quả trúng tuyển cho: .....

Địa chỉ**:** .....

Điện thoại: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai của tôi trên phiếu đăng ký này là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục V
ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 6 tháng

Kính gửi:

- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;
- Trường Cao đẳng Kon Tum.

Tôi là: .....

Quốc tịch: .....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu: ……. ngày cấp ..... nơi cấp: .....

Đã hoàn thành nội dung chương trình đào tạo lái xe hạng: .....

tại Trường Cao đẳng Kon Tum. .....

Đã có giấy phép lái xe số: ..... hạng ……. do .....cấp ngày: ...../…./……..

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký chọn 1 trong 2 hình thức đào tạo nội dung học lý thuyết:

1. Tập trung ☐
2. Từ xa, tự học có hướng dẫn ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Quảng Ngãi, ngày .... tháng .... năm 2026
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI
MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN

Kính gửi:
- Trường Cao đẳng Kon Tum;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi là: ....

Ngày tháng năm sinh: …….....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:.....

hoặc Hộ chiếu …… ngày cấp ..... Nơi cấp:.....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ……....., hạng .....do: ..... cấp ngày: ..... /..... / …....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe an toàn.

Đề nghị ……..... cho tôi được học, sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng ……

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

Quảng Ngãi, ngày .... tháng .... năm 2026

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Trường Cao đẳng Kon Tum

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ... năm 2026
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KHÁC

CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ

Họ và tên:.....Nam:☐ ; Nữ☐

Sinh ngày: .....Dân tộc: .....Tôn giáo:.....

Số CC/CCCD: .....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Quê quán: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Điện thoại liên hệ: .....

Đơn vị công tác:.....

Nghề đăng ký: .....- Chương trình đào tạo nghề khác.

Tại cơ sở đào tạo: **Trường Cao đẳng Kon Tum**

Nếu được tham gia lớp học, tôi xin chấp hành nội quy lớp học, quy định của Trường.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật; nếu có gì không đúng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ...năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục IX
MẪU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH NĂM 2026
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH NĂM 2026

TT	Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Trình độ				Chỉ tiêu theo đăng ký hoạt động (người)	Số lượng tuyển sinh tự xác định (người)
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chương trình đào tạo nghề khác	Giáo dục trung học nghề		
1.								
2.								
3.								
....								
....								
….								
….								
	Tổng cộng:							

Danh sách trên có: ... ngành, nghề cao đẳng, ... ngành, nghề trung cấp, ... ngành, nghề giáo dục trung học nghề và ... nghề sơ cấp, chương trình đào tạo nghề khác.

HIỆU TRƯỞNG